

KHẢ NĂNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ LƯƠNG THỰC Ở MIỀN NÚI VÀ TRUNG DU MIỀN BẮC VIỆT-NAM

TRẦN QUANG

Phần lớn lãnh thổ nước ta là miền núi và trung du, đồng bằng chỉ chiếm trên 1/5 tổng diện tích. Miền núi và trung du lại chứa đựng rất nhiều nguồn tài nguyên phong phú, với một chế độ khí hậu rất đa dạng. Do đó có thể nói, chỉ khi nào miền núi và trung du được khai thác hợp lý và nguồn tài nguyên thiên nhiên của miền núi và trung du được sử dụng triệt để thì nền kinh tế nước ta mới phát triển cân đối, mạnh mẽ và vững chắc được.

Đứng riêng về mặt nông nghiệp mà xét, chỉ khi nào miền núi và trung du phát huy được ba thế mạnh « nghề rừng, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp », thì nền nông nghiệp của cả nước ta mới thoát khỏi tình trạng độc canh và mới hình thành được một nền nông nghiệp mang tính chất sản xuất hàng hóa, dựa trên một cơ cấu nông nghiệp tối ưu.

Trong sự nghiệp xây dựng kinh tế miền núi và trung du thì khâu quan trọng đầu tiên, có ý nghĩa quyết định nhất, là phải *tập trung sức giải quyết cho được vấn đề tự túc lương thực*, bởi vì sự thiếu hụt lương thực ở đây từ lâu vẫn là nguyên nhân làm cho những thế mạnh vốn có của vùng này chưa phát huy lên được, thậm chí còn kìm hãm nhiều mặt hoạt động khác.

Trong hơn 20 năm qua, nhân dân các dân tộc miền núi và trung du đã có nhiều tiến bộ trong lĩnh vực sản xuất lương thực, nhất là về lúa.

Cách đây không lâu, nhiều người chưa tin rằng miền núi và trung du nước ta có thể có những vùng đạt năng suất lúa 5 tấn/ha/2 vụ. Gần đây, ở miền núi không những đã xuất hiện khá nhiều hợp tác xã đạt 5 tấn lúa/ha ở hầu khắp các tỉnh mà còn có những vùng lúa

khá rộng đã vượt chỉ tiêu 5 tấn: các vùng hai vụ lúa của tỉnh Lào-cai, trong đó có hợp tác xã bản Vược ở trên vùng núi rét thuộc huyện Bát-sát đã đạt tới 9,1 tấn/ha/2 vụ; hoặc như tỉnh Yên-bái đã nâng hệ số sử dụng ruộng đất cấy lúa từ 1,2 lên 1,8, và đã có 30% diện tích cấy hai vụ lúa đạt trên 5 tấn/ha/2 vụ. Trên cánh đồng Điện-biên (Lai-châu), Nước-hai (Cao-bằng), Đại-từ (Bắc-thái), Trảng-định (Lạng-sơn)... đã có nhiều vụ lúa đạt năng suất bình quân 22—25 tạ/ha/vụ, trong đó có rất nhiều hợp tác xã đã đạt năng suất lúa cao và ổn định trong nhiều năm.

Đáng chú ý là trong nghề trồng lúa nước ở miền núi và trung du đã có một điển hình thâm canh lúa rất tốt là nông trường Tam-đảo. Ở đây đã cải tạo tốt đất bạc màu, đã sử dụng cơ giới trong toàn bộ các khâu canh tác, đã đạt năng suất lúa bình quân 38—45 tạ/ha/vụ. Sau 5 năm trồng lúa, ruộng cấy lúa của nông trường Tam-đảo được cải tạo khá nhanh: mùn từ 0,5% tăng lên 1,8%, độ chua giảm (từ 4,5 tăng lên 5,5), các chất dinh dưỡng khác đều cao hơn hẳn ruộng đất chưa được cải tạo.

Ngoài ra, trong sản xuất *hoa màu*, những tiến bộ đạt được cũng đáng chú ý.

Trong vòng 3—4 năm liền, cả tỉnh Tuyên-quang đã đưa năng suất ngô từ 11 tạ lên gần 19 tạ/ha, cả huyện Anh-sơn (Nghệ-an) do sử dụng giống ngô lai số 5, gần đây đã đạt năng suất ngô bình quân 25 tạ/ha trên diện tích rộng hàng nghìn hécta (trong đó có những cánh đồng đạt năng suất 40—50 tạ/ha). Đặc biệt là trên nương định canh dốc 20—30°, đồng bào vùng núi Tủa-chùa (Lào-cai) đã trồng ngô xen với các loại đậu, rau, bầu bí

trong nhiều năm mà vẫn giữ được năng suất ngô bình quân đạt 20 tạ/ha.

Mặt khác, trong nghề trồng ngô ở miền núi và trung du cũng đã xuất hiện một số phương pháp canh tác mới: canh tác hoàn toàn bằng cơ giới ở một số nông trường quốc doanh (Tô Hiệu, Nà-sản...), thực hiện thâm canh ngô trên đất dốc bằng cách làm các công trình chống sới mòn, lên luống và gieo hạt theo đường đồng mức, dùng giống mới, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu... nên đã đưa năng suất ngô ở miền núi lên khá nhanh: hợp tác xã phổ Chồ trên cao nguyên Đồng-văn (Hà-giang) là nơi đất xấu, lượng mưa ít nhưng nhờ áp dụng kĩ thuật thâm canh nên đã đưa năng suất lên 26 tạ/ha (trước đây chỉ đạt 7 — 8 tạ/ha).

Những điển hình đạt năng suất cao về các loại cây lương thực, thực phẩm đã xuất hiện ngày càng nhiều ở khắp các tỉnh, huyện miền đồi núi và ở trên tất cả các loại đất (cao, thấp, tốt, xấu). Đó là biểu hiện của sự chuyển biến mới về cách suy nghĩ và tập quán canh tác của đồng bào các dân tộc miền núi và trung du. Sự chuyển biến này đã làm thay đổi hẳn tình hình của nhiều bản, làng, hợp tác xã. Nhiều nơi trước đây thường phải nhận lương thực của Nhà nước, nay đã đóng góp được nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước.

Thực tiễn sản xuất trên đây đã chứng minh khả năng tự túc lương thực của miền núi và trung du nước ta là rất hiện thực; đồng thời, nó cũng bác bỏ những ý kiến cho rằng, miền núi và trung du nước ta rất khó, thậm chí không thể tự túc được lương thực.

Tuy nhiên, sản xuất lương thực ở miền núi và trung du trong thời gian qua còn phát triển rất chậm. Diện tích canh tác các loại cây lương thực và thực phẩm ở đây còn rất ít. Chỉ tính riêng 12 tỉnh miền núi và trung du thì diện tích trồng cây lương thực mới chiếm có 5,4% trong tổng diện tích đất đai và mới bằng khoảng 50 — 60% diện tích có độ dốc thích hợp cho việc trồng các loại cây lương thực. Đã vậy, hệ số sử dụng ruộng đất ở miền núi và trung du lại rất thấp: mới chỉ đạt 1,2 lần; do đó diện tích gieo trồng cây lương thực của 12 tỉnh trên trong hàng chục năm nay chỉ xoay quanh con số 60 vạn héc-ta hằng năm.

Nhìn lại 5 — 6 năm về trước, ai cũng thấy rằng kĩ thuật thâm canh lúa của miền núi và trung du đã có những bước tiến rõ rệt, có nơi không thua kém miền xuôi. Nhưng sự tiến bộ ấy không đồng đều nên năng suất lúa bình quân vẫn chưa vượt được mức

20 tạ/ha/vụ; trong khi đó hoa màu là thế mạnh của miền núi và trung du lại chưa được thâm canh, thậm chí nhiều nơi vẫn còn duy trì chế độ quảng canh. Do đó, năng suất bình quân các loại cây hoa màu ở miền núi và trung du còn quá thấp: ngô mới đạt trên dưới 10 tạ/ha, sắn 100 tạ, khoai lang 40 tạ, lúa mì 4 — 5 tạ/ha, mạch hoa 3 — 4 tạ v.v... Nói chung, năng suất bình quân của các loại cây hoa màu ở miền núi và trung du hiện nay mới chỉ bằng 1/3 — 1/2 năng suất thực tế của những hợp tác xã có trình độ thâm canh trung bình ở chính ngay vùng ấy.

Do diện tích không được mở rộng, năng suất quá thấp nên trong vòng 10 năm trở lại đây, tổng sản lượng lương thực của miền núi và trung du không tăng được bao nhiêu. Ngược lại sự thiếu hụt lương thực ở đây đang có chiều hướng tăng dần theo mức tăng dân số, theo mức tàn phá rừng và theo tốc độ suy thoái của đất.

Nguyên nhân của tình hình này là do cách tổ chức sản xuất không hợp lí, phương thức canh tác còn lạc hậu, trước hết là do chúng ta chưa đặt vấn đề sản xuất lương thực ở miền núi và trung du một cách đúng mức và chưa giải quyết vấn đề này một cách cụ thể và thiết thực.

Từ nghìn đời nay các bản làng, thôn xóm miền núi ở rải rác, phân tán trên những mảnh ruộng nương manh mún, phải tự cấp tự túc gần như hầu hết những nhu yếu phẩm cơ bản cho đời sống hằng ngày. Mặc dù đã có quan hệ sản xuất mới, nhưng sức sản xuất ở miền núi nước ta còn rất thấp, trình độ kĩ thuật canh tác còn rất lạc hậu, thậm chí cho đến nay một bộ phận kinh tế nông nghiệp ở miền núi vẫn còn mang tính chất kinh tế rất cổ sơ. Nếu ở trung du và đồng bằng, hầu hết các hợp tác xã đều phải trồng lương thực để tự túc, thì ở các bản làng, hợp tác xã miền núi cũng như vậy. Có điều khác hơn là ở đây có những nơi trồng cây lương thực không phù hợp với điều kiện tự nhiên nên năng suất quá thấp, trong khi đó có thể trồng những cây khác hoặc làm những nghề khác có hiệu quả kinh tế cao hơn và có lợi cho đất nước hơn như nghề rừng, chăn nuôi đại gia súc, trồng cây đặc sản v.v..., nhưng vì không có lương thực nên đồng bào ở đây vẫn cứ bắt buộc phải trồng cây lương thực. Do đó nhiều khi phải phá đi những khu rừng trị giá hàng triệu đồng để trồng lúa, ngô, khoai, sắn và thu được một số sản phẩm lương thực chỉ đáng giá vài ba nghìn đồng, hơn nữa chỉ làm lương thực

trong vài ba năm rồi lại phải bỏ đi, đốt rừng mới, phá rẫy mới.

Phương pháp canh tác đốt rừng phá rẫy, du canh, quảng canh, chọc lỗ bở hạt v.v... không những không thể tạo ra sản phẩm đủ để tái sản xuất giản đơn, mà còn gây ra những hậu quả tai hại ghê gớm cho nhiên thể hệ sau này, cho nhiều vùng khác nhau của đất nước. Cách đây 10 năm đồng chí Lê Duẩn đã chỉ rõ: «Nếu chúng ta cứ để tình trạng như lâu nay vẫn làm, cứ tiếp tục chặt rừng trồng sản, đốt rẫy trồng lúa trên đồi thì chẳng bao lâu miền núi của chúng ta sẽ trở thành đồi trọc. Đó là một bức tranh rất đáng sợ. Chẳng những đất đai miền núi sẽ bị xói mòn, kiệt quệ, lâm thổ sản miền núi sẽ không còn gì nữa mà khí hậu miền Bắc nước ta sẽ thay đổi hẳn theo chiều hướng tai hại không biết đâu mà lường. Điều đó sẽ ảnh hưởng tới nông nghiệp và toàn bộ nền kinh tế quốc dân». (Lê Duẩn — Giai cấp vô sản và vấn đề nông dân — Nhà xuất bản Sự thật, 1965).

Kết quả điều tra của Viện Nông hóa thổ nhưỡng cho thấy: đất nương rẫy thường bị xói mòn hằng năm 250 — 400 tấn/ha. Lượng đất bị cuốn đi thường có hàm lượng dinh dưỡng khá cao, làm cho độ phì của đất giảm sút nghiêm trọng: chỉ sau vài ba vụ trồng lúa nương là các chất dinh dưỡng, đặc biệt là đạm, lân, kali giảm sút rất nhanh, độ chua và nhôm di động tăng lên nhiều. Nếu tiếp tục trồng lúa nữa thì năng suất lúa sẽ rất thấp và nhiều khi không cho thu hoạch. Trước kia, niên hạn sử dụng đất nương rẫy là 7—8 năm và chỉ cần bỏ hóa vài ba năm là đã có thể trồng lúa lại được. Nay niên hạn sử dụng đất nương rẫy chỉ còn có một vài năm, và thời gian bỏ hóa phải kéo dài 7—10 năm mà độ phì của đất vẫn không sao hồi phục lại được như trước. Điều đó không những giải thích vì sao năng suất trồng trọt giảm dần sau mỗi luân kì sản xuất mà còn chỉ rõ sự nguy khốn trong tương lai nếu phương pháp canh tác lạc hậu này không được thay thế bằng những phương pháp canh tác tiến bộ hơn. Niên hạn sử dụng đất giảm làm cho số lần du canh tăng lên, rừng bị phá ngày càng nhanh và nhiều hơn, đời sống đồng bào miền núi vất vả hơn, lũ đổ về xuôi càng nhanh hơn, v.v..

Tổ chức sản xuất không hợp lí, kĩ thuật canh tác lạc hậu, năng suất cây lương thực quá thấp đã buộc miền núi vào chế độ độc canh trồng cây lương thực. Điều đó đã gây trở ngại rất lớn cho việc phân vùng nông nghiệp, chuyên môn hóa sản xuất, phân công

lại lao động để hình thành các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, thâm canh theo hướng sản xuất lớn. Sự thiếu hụt lương thực ở miền núi còn là nguyên nhân kìm hãm các mặt hoạt động kinh tế khác và ảnh hưởng đến tình hình chính trị, văn hóa, xã hội và quốc phòng.

Không vượt được «cửa ải» tự túc lương thực thì miền núi và trung du không thể phát huy được những thế mạnh sẵn có, không thể bảo vệ được rừng, không thể phát triển được chăn nuôi, không thể xây dựng được các vùng kinh tế mới, càng không thể nói đến việc phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, cây làm thuốc và các loại cây đặc sản khác.

Sự thiếu hụt lương thực ở miền núi và trung du còn ảnh hưởng đến cả kinh tế miền đồng bằng, vì đồng bằng không những phải cung cấp lương thực cho miền núi mà còn phải chịu đựng hậu quả của nạn phá rừng và xói mòn đất.

Như vậy, rõ ràng là vấn đề xây dựng kinh tế miền núi và trung du mà trước hết là vấn đề «giải quyết lương thực tại chỗ» phải được coi là quyền lợi và là nghĩa vụ chung của cả nước. Nói đến vấn đề tự túc lương thực ở miền núi không có nghĩa là chỉ nói đến việc cải thiện đời sống của đồng bào miền núi và trung du mà chính là để tạo ra tiền đề cho công cuộc xây dựng kinh tế miền núi và trung du một cách toàn diện nhằm hỗ trợ cho đồng bằng và làm giàu cho đất nước.

Miền núi có tự túc được lương thực không ?

Những điều kiện hình hợp tác xã và những vùng sản xuất lương thực đạt năng suất khá cao, phổ biến ở các tỉnh miền núi trong những năm gần đây, kể cả ở những nơi điều kiện khó khăn như Tủa-chùa, Phố-chò v.v... đã đủ giải đáp câu hỏi này.

Nhưng lại có ý kiến cho rằng: Nhà nước nên cung cấp lương thực để miền núi chuyển hẳn sang làm nghề rừng, chăn nuôi đại gia súc và trồng các loại cây có đặc sản có lợi hơn. Gần đây, sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tư tưởng coi nhẹ xây dựng kinh tế miền núi và trung du và tư tưởng trông chờ đồng bằng cung cấp lương thực cho miền núi và trung du lại nảy sinh; do đó một số nơi đã không coi trọng vấn đề phấn đấu để tự túc lương thực như sau hội nghị các huyện miền núi.

Đúng là sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, chiến tranh đã chấm dứt, khả năng phát triển sản xuất lương thực của đất nước ta rất to lớn, nhưng khả năng ấy không thể trở thành hiện thực ngay được. Vả lại, dù

đồng bằng có thừa lương thực cũng không dễ dàng và không thật kinh tế khi phải liên tục vận chuyển lương thực lên tới các vùng miền núi. Mặt khác, cũng cần phải thấy rằng: ở ta trong một giai đoạn rất dài lâu, cơ cấu kinh tế tốt nhất ở từng vùng lớn vẫn là một cơ cấu kinh tế có nông, công nghiệp cân đối, hỗ trợ lẫn nhau, và khi nói đến nông nghiệp là phải nói cả đến trồng trọt và chăn nuôi trong đó không thể thiếu được chất bột. Trên thực tế, người dân miền núi (trừ một số cán bộ, công nhân ở khu công nghiệp tập trung) sẽ không thể sống hoàn toàn dựa vào lương thực do Nhà nước cung cấp, trong khi điều kiện cho phép họ có thể tiến hành trồng trọt và chăn nuôi.

Cũng có i kiến cho rằng: miền núi đất dốc, trồng lương thực khó khăn, do đó không nên đặt ra vấn đề tự túc lương thực ở đây.

Đây là i kiến sai lầm, trước hết ở chỗ quan niệm cho rằng lương thực chỉ là gạo, không thấy hoa màu được chế biến và bảo quản tốt sẽ là thành phần rất quan trọng trong cơ cấu bữa ăn tương lai.

Chính những người có quan niệm cho rằng lương thực chỉ là gạo cũng chưa nghiên cứu kĩ khả năng tăng sản lượng lúa ở miền núi. Thật ra, nếu đặt vấn đề tích cực tăng vụ, khai hoang mở rộng thêm diện tích đất bằng để trồng lúa và áp dụng các biện pháp kĩ thuật thâm canh thì chúng ta rất có thể tăng sản lượng lúa của miền núi lên 1,5--2 lần. Hiện nay miền núi chỉ cần tăng sản lượng lúa lên 1,3 lần là đủ tự túc lương thực, chưa kể khả năng tăng sản lượng hoa màu.

Qua nhiều năm chỉ đạo sản xuất, chúng tôi đã đi đến kết luận rằng: ngoài những thế mạnh sẵn có như nghề rừng, chăn nuôi đại gia súc, trồng các loại cây đặc sản dài ngày, *miền núi có nhiều điều kiện thuận lợi để trồng các loại cây lương thực, cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày.*

Về mặt diện tích: Hiện nay miền núi còn rất nhiều diện tích chỉ mới trồng một vụ lúa mùa: diện tích bỏ hóa vụ đông xuân của 115 huyện miền núi có tới 19 vạn hecta, chủ yếu là do thiếu nguồn nước tưới. Nếu tính cả khả năng tăng vụ trên đất trồng hoa màu sẵn có thì khả năng tăng vụ ở miền núi có khoảng 30 vạn hecta. Chỉ riêng số diện tích tăng vụ này cũng đã có thể sản xuất ra một khối lượng lương thực vượt xa khối lượng lương thực mà Nhà nước thường phải cung cấp hằng năm cho miền núi. Đó là chưa kể trong số 1,2 triệu hecta của 23 vùng kinh tế

mới có thể sử dụng khoảng 30 — 40 vạn hecta đất ít dốc để trồng các loại cây lương thực và thực phẩm ngắn ngày.

Về điều kiện khí hậu: Các tài liệu điều tra, nghiên cứu về khí hậu, đất đai và kết quả thực nghiệm trong sản xuất đều khẳng định rằng miền núi nước ta có nhiều điều kiện trồng cây lương thực và cây thực phẩm ngắn ngày thuận lợi hơn rất nhiều nước khác, kể cả các nước nằm trên vùng vĩ tuyến.

Miền Bắc nước ta nằm trong vành đai nhiệt đới, nhưng chịu ảnh hưởng của gió mùa cực đới nên có mùa đông lạnh hơn nhiều so với các nước nhiệt đới khác. Ngay trong mùa đông, độ ẩm cũng khá cao, do đó, ngoài những cây lương thực và thực phẩm sẵn có, chúng ta còn có thể trồng được thêm nhiều loại cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày từ các xứ lạnh đem về, như lúa mì, khoai tây, rau đậu đỗ v.v...

Do điều kiện tự nhiên thuận lợi và do sự cố gắng liên tục của nhiều đời, miền núi nước ta có một tập đoàn giống cây lương thực và cây thực phẩm phong phú bao gồm nhiều loại giống tốt, thích nghi rộng, có thể trồng vào nhiều thời vụ ở nhiều vùng khí hậu khác nhau, nhờ đó có thể tận dụng được hầu hết các loại đất đai của miền núi, và có thể bố trí cơ cấu cây trồng, chế độ canh tác hợp lí trên các loại đất.

Đề duy trì khả năng sinh tồn và phát triển, từ lâu nhân dân các dân tộc miền núi đã có rất nhiều kinh nghiệm canh tác trên đất dốc. Tiếp thu những kinh nghiệm quý báu ấy, các cơ quan khoa học, kĩ thuật và các cơ quan chỉ đạo sản xuất của ta đã nghiên cứu, thực nghiệm trong nhiều năm các biện pháp kĩ thuật tiên tiến trong việc trồng lúa nước và một hệ thống các biện pháp kĩ thuật trồng cạn bao gồm các biện pháp công trình (chống xói mòn, giữ ẩm) các biện pháp sinh học (chọn giống thích hợp, bố trí chế độ luân canh, xen canh v.v...) và các biện pháp kĩ thuật canh tác (làm đất, gieo trồng theo đường đồng mức...). Những kết quả nghiên cứu thí nghiệm ấy đã giúp ta đề ra được những tiêu chuẩn qui cách thiết kế xây dựng đồng ruộng, cải tạo đồi nương và đề ra được qui trình kĩ thuật cho từng loại cây, trên từng loại đất, với từng điều kiện khí hậu khác nhau. Đó cũng chính là cơ sở khoa học của chủ trương mà Trung ương Đảng và Chính phủ đã đề ra từ lâu là: từng tỉnh miền núi phải giải quyết tự túc lương thực.

Làm thế nào tự túc lương thực ở miền núi?

Căn cứ vào tình hình đặc điểm khí hậu, đất đai của vùng đồi núi miền Bắc Việt-nam, có thể

đề ra phương hướng chung là : cố gắng mở thêm diện tích tăng vụ, khai hoang và thâm canh lúa một cách vững chắc ở những nơi có điều kiện ; đồng thời phải đẩy rất mạnh việc mở diện tích và thâm canh các loại cây hoa màu và cây thực phẩm, đi đôi với chế biến và bảo quản thật tốt để đưa hoa màu và thực phẩm vào cơ cấu bữa ăn hằng ngày. Phải coi trọng những loại cây vừa có tác dụng cung cấp lương thực cho người và thức ăn cho gia súc, vừa có tác dụng bồi dưỡng, cải tạo đất, nhất là các loại cây họ đậu.

Muốn thực hiện phương hướng trên, trước hết cần xác định một cách nghiêm túc rằng: kinh tế nông nghiệp miền núi và trung du chỉ có thể tồn tại và phát triển tốt đẹp dựa trên cơ sở thực hiện đường lối thâm canh.

Để thực hiện thâm canh, việc quan trọng đầu tiên là phải tiến hành công tác điều tra cơ bản một cách toàn diện để tổ chức lại sản xuất, bố trí cơ cấu cây trồng và chế độ canh tác hợp lý, có lợi cho từng vùng. Nếu bố trí sai sẽ lãng phí vốn đầu tư và không thể thâm canh được.

Tình hình phân bố khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng ở miền đồi núi rất phức tạp nhưng về đại thể có thể chia ra thành ba loại vùng khác nhau và có thể bố trí cơ cấu cây trồng và chế độ canh tác một cách tổng quát như sau :

a) Vùng núi rét (nhiệt độ trung bình trong tháng giêng là $\leq 13^{\circ}\text{C}$) : thường rét sớm, kéo dài, lượng mưa ít, đất dốc ; do đó cơ cấu cây trồng ở vùng này nên bố trí như sau :

Trên đất ruộng bằng, chỉ nên cấy một vụ lúa mùa ăn chắc, cấy sớm từ tháng 6 để tranh thủ được tưới bằng nước mưa, lúa trở không gặp rét. Kinh nghiệm cho thấy, chuẩn bị thật tốt để chủ động cấy một vụ lúa mùa thâm canh sẽ cho năng suất cao hơn, và giá thành một tạ thóc sẽ thấp hơn nhiều so với cấy hai vụ lúa ; vì ở vùng này mùa rét đến sớm và kết thúc muộn, nếu cấy hai vụ lúa thì vụ chiêm xuân phải cấy muộn, thu hoạch muộn, lúa mùa cũng phải cấy muộn khi trở thường gặp rét, cả hai vụ đều thu hoạch thấp mà thời vụ lại căng thẳng.

Trên loại ruộng này, sau khi thu hoạch lúa mùa có thể làm vụ đông, trồng các loại cây trồng cạn như lúa mì, đậu răng ngựa, đậu Hà-lan. Vụ xuân có thể trồng khoai tây, mạch hoa, đậu đỗ v.v...

— Trên đất thổ canh, nên trồng ngô xuân xen với cây họ đậu. Chú ý sử dụng giống ngô lai số 5 là giống ngăn ngày cho năng suất cao. Trên chân đất tốt, nếu tổ chức sản xuất giỏi thì có thể trồng một vụ lúa mì mùa đông (giống ngăn ngày), và trồng tiếp một vụ ngô xuân (cũng phải dùng giống ngăn ngày). Nơi không

trồng lúa mì, có thể trồng mạch hoa vụ xuân, đậu đỗ hoặc cây phân xanh để cải tạo đất như điều tử, tử vãn anh.

b) Vùng núi rét trung bình (nhiệt độ trung bình trong tháng giêng $13^{\circ}\text{C} - 15^{\circ}\text{C}$). Ở đây có những cánh đồng lúa khá rộng có thể cho năng suất cao và có rất nhiều khả năng trồng các loại cây hoa màu và cây thực phẩm. Là vùng tiếp nối giữa vùng núi thấp và vùng núi cao, vùng này giữ vị trí rất quan trọng trong việc cung cấp lương thực cho những vùng cao. Do đó, trong khi tổ chức lại sản xuất ở miền núi, trong khi bố trí lại cơ cấu cây trồng và chế độ luân canh ở miền núi cần chú ý :

— Trên đất ruộng hai vụ lúa, cần đầu tư xây dựng đồng ruộng, hoàn chỉnh các công trình thủy lợi, tận dụng các nguồn phân xanh và đẩy mạnh sản xuất phân chuồng, mạnh dạn sử dụng giống lúa mới và thực hiện các biện pháp thâm canh để tăng nhanh năng suất.

— Đối với lúa xuân, cần gieo mạ qua đông, gieo sớm để mạ có sức chịu rét, cấy vào trước hoặc sau tiết lập xuân để kịp thu hoạch trong tháng 6. Vùng này muốn cấy hai vụ lúa ăn chắc, cần tổ chức sản xuất giỏi, thu chi làm mùa rất nhanh và phải có cơ sở vật chất tương đối đầy đủ để phục vụ cho các khâu gặt, đập, phơi, làm đất, phân bón. Nhà nước cần đầu tư thích đáng vào vùng này thì mới có thể rút ra ở đây một khối lượng lương thực hàng hóa đủ cung cấp cho vùng cao khi cần thiết.

— Trên chân ruộng một vụ lúa mùa thường bỏ hóa vụ đông xuân, cần giải quyết vấn đề giữ độ ẩm, tưới ẩm, áp dụng các biện pháp kỹ thuật trồng khô để làm thêm một hoặc hai vụ rau màu đông xuân. Trên chân đất nhẹ có thể trồng lúa mì, khoai tây, rau, đậu đỗ trong mùa đông và trồng tiếp một vụ ngô xuân, đậu tương xuân. Trên chân đất nặng hơn, có thể trồng mạch hoa, bí đỏ và các loại cây họ đậu khác để làm thức ăn gia súc và cải tạo đất.

— Trên đất thổ canh, nương rẫy định canh, đất dốc... nên trồng cao lương, sắn, dong riềng, mạch hoa và các loại cây họ đậu.

c) Vùng núi ấm và vùng đồi trung du (Nhiệt độ trung bình tháng giêng $> 15^{\circ}\text{C}$). Vùng này không những là nơi sẽ tiếp nhận thêm nhiều dân cư mà còn là vùng giữ vị trí rất quan trọng trong kế hoạch sản xuất lương thực, thực phẩm, chăn nuôi, trồng cây công nghiệp và cây ăn quả. Ở đây không những phải tự túc lương thực mà còn phải cung cấp lương thực hỗ trợ cho các vùng núi rét trung

binh và vùng núi cao, đồng thời phải cung cấp nhiều nông sản hàng hóa cho công nghiệp và xuất khẩu. Do đó, ở đây cần phải tổ chức lại sản xuất, bố trí một cơ cấu cây trồng và chế độ canh tác hợp lý, nhanh chóng hình thành các vùng sản xuất lương thực hàng hóa tập trung, có sử dụng cơ giới và phân bón hóa học.

Trên chân đất hai vụ lúa ở đây, hướng chủ yếu là phải kiến thiết đồng ruộng thật tốt, hoàn chỉnh thủy nông, cải tạo đất chua, đất lầy thụt, đất bạc màu, thực hiện rộng rãi việc trồng các loại cây phân xanh: tăng cường bón phân chuồng và các loại phân bón hóa học thích hợp, chú ý sử dụng nhiều vôi, lân và phân trấu để tăng nhanh năng suất cây trồng và độ phì cho đất. Cần tích cực tạo điều kiện để mở nhanh diện tích lúa xuân, tăng nhanh sản lượng lúa và làm thêm vụ đông, nâng hệ số sử dụng đất trên 2 lần. Ở đây cần nhanh chóng xây dựng những cánh đồng lúa đạt năng suất 6—8 tấn/ha/năm.

Trên đất đồi, bãi, đất thổ canh, nương định canh ngoài diện tích dành cho cây dài ngày, ta có thể bố trí làm từ 1 đến 3 vụ cây lương thực rồi cây thực phẩm hoặc cây công nghiệp ngắn ngày, có thể trồng ngô, khoai tây, lúa mì, đậu đỗ, rau mùa đông; tiếp đó làm một vụ màu mùa xuân và một vụ màu mùa thu. Trên chân đất kém hơn nên trồng cao lương, sắn, khoai, dong riềng, cây họ đậu. Trên các loại đất khác không có điều kiện thâm canh cũng nên trồng các loại cây phân xanh để bảo vệ và cải tạo đất, như các loại cây họ đậu, điền thanh, muồng, cốt khí.

Trên đây chúng tôi chỉ nêu lên phương hướng bố trí cơ cấu cây trồng (chủ yếu là cơ cấu cây lương thực) một cách tổng quát cho từng vùng. Những vùng này được phân chia dựa vào yếu tố nhiệt độ là chính, vì yếu tố nhiệt độ là yếu tố khống chế. Như vậy danh từ *vùng* chỉ nên hiểu theo nghĩa tương đối. Khi vận dụng những ý kiến trên đây cần tiến hành điều tra, nắm vững tình hình đặc điểm ở từng nơi, vì tình hình tự nhiên ở miền núi nước ta rất phức tạp, thậm chí chỉ cách nhau vài trăm mét (bên này núi và bên kia núi) là tình hình khí hậu, thổ nhưỡng đã rất khác nhau, không thể máy móc trong việc bố trí cơ cấu cây trồng và chế độ canh tác cho miền núi được.

Theo kế hoạch dự tính, đến năm 1980, dân số của 115 huyện miền núi sẽ tăng lên khoảng 60% và sản lượng lương thực, thực phẩm phải tăng lên gấp hai lần. Quả thực đây là một bài

toán khó, thậm chí không thể giải được nếu chúng ta cứ nghĩ như cũ và cứ làm như cũ. Nhưng nếu chúng ta tạo ra được sự chuyển biến cách mạng trong nhận thức và hành động thì nhất định vẫn đề tự túc lương thực cho miền núi và trung du là rất có cơ sở khoa học.

Các tỉnh miền núi nước ta đều có đủ ba vùng: thấp, giữa, cao; trong đó vùng ruộng đất bằng để trồng lúa còn khá rộng và còn có thể tăng vụ và khai hoang mở rộng thêm. Nếu được đầu tư đúng mức thì chỉ riêng vùng lúa này cũng có thể thừa bù lại số lương thực thiếu hụt hiện nay. Đó là chưa kể đến khả năng phát triển hoa màu, mà rồi đây sản phẩm của nó sẽ phải được chế biến theo phương pháp công nghiệp và sẽ được coi là thành phần chủ yếu trong cơ cấu lương thực của vùng này. Chúng ta cần nghĩ tới việc cải tiến bữa ăn trong tương lai. Vấn đề đặt ra không phải chỉ là ăn gạo mà làm thế nào để ăn no, ăn ngon, ăn đủ chất dinh dưỡng với các loại bột ngô, bột mì, bột đậu, bột sắn, bột khoai, bột mạch hoa, bột kê... được chế biến tốt nhằm thay thế một phần cho gạo. Nếu quan niệm về một cơ cấu lương thực như vậy thì cách nhìn về vấn đề giải quyết cơ cấu lương thực ở miền núi và trung du sẽ khác. Miền núi và trung du rõ ràng có khả năng tự túc lương thực một cách nhanh chóng và dễ dàng hơn hiện nay.

Tuy nhiên, khi quan niệm thay đổi thì phương pháp canh tác và tập quán canh tác cũng phải thay đổi theo. Trước hết phải thấy thành phần lương thực chính ở miền núi vẫn là lúa, do đó trước mắt phải tập trung giải quyết vấn đề tăng sản lượng lúa. Chúng tôi cho rằng phương hướng đầu tư để giải quyết vấn đề lương thực ở miền núi, bước đầu nên tập trung xây dựng đồng bộ, hoàn chỉnh và dứt điểm cho các vùng lúa. Ở những vùng này, ít nhiều đã có những cơ sở vật chất — kĩ thuật cần thiết, chỉ cần đầu tư hoàn chỉnh thêm là có thể cho năng suất cao. Làm như vậy chúng ta vừa đỡ tốn nhiều vốn xây dựng ban đầu mà hiệu quả đầu tư sẽ cao và nhanh chóng thu hồi vốn.

Đối với đất dốc thì nên đầu tư kiến thiết dần các đồi nương cố định, đúng tiêu chuẩn qui cách, tuyệt đối không nên làm nửa vời, nên làm từ độ dốc thấp tiến dần tới độ dốc cao, nên bố trí cơ cấu theo tầng. Ở những nơi chưa có điều kiện kiến thiết cố định thì nên làm những công trình chống xói mòn đơn giản và áp dụng những biện pháp thâm canh thích hợp: làm cỏ, đào mương, lên luống theo

(Xem tiếp trang 21)

phù hợp với xu thế phát triển hiện nay của ngành thủy sản nội địa trên thế giới.

Miền Nam nước ta đã được hoàn toàn giải phóng, mở ra những triển vọng vô cùng to lớn cho mọi ngành kinh tế nói chung cũng như ngành thủy sản nói riêng. Nguồn lợi hải sản cũng như thủy sản nội địa của nước ta vô cùng phong phú, vì vậy, chúng tôi cho rằng, bàn về phương hướng phát triển của ngành thủy sản ở miền Bắc nước ta trong tương lai, không thể không đặt nó trong hoàn cảnh một đất nước thống nhất với một bờ biển chạy dài hơn 3 000 km, với một hệ thống thủy

vực nội địa dày đặc nối tiếp nhau từ cao nguyên Đồng-văn tới mũi Cà-mau, với thành phần thủy sản ít nhiều pha trộn tính chất á nhiệt đới ở miền Bắc và tính chất nhiệt đới điển hình ở miền Nam. Hơn bao giờ hết, ngành thủy sản nước ta đang đứng trước một triển vọng vô cùng tốt đẹp, đầy thuận lợi, tuy còn nhiều khó khăn nhất thời, đòi hỏi những người làm công tác thủy sản của cả hai miền Nam Bắc nước ta cần í thức đầy đủ về trách nhiệm của mình, phấn khởi nỗ lực mang hết sức mình làm tròn nhiệm vụ trong giai đoạn mới, góp phần đưa ngành thủy sản của ta mau chóng đạt tới những bước phát triển cao hơn.

Khả năng và phương hướng...

(Tiếp theo trang 6)

đường đồng mức, thực hiện công thức trồng xen, bảo đảm che phủ đất trong mùa mưa...

Những kết quả điều tra nghiên cứu và thực nghiệm của chúng tôi ở nhiều hợp tác xã thuộc các vùng khác nhau của miền núi cho phép chúng tôi kết luận rằng: nếu những biện pháp trên được thực hiện thì vấn đề tự túc lương thực ở miền núi có thể giải quyết được.

Trước mắt, cần thấy rằng sản xuất nông nghiệp ở miền núi hiện nay rất nhỏ bé và phân tán. Từng bản làng nhỏ bé ở rải rác khắp nơi không thể tự mình tổ chức lại sản xuất hợp lý và tiến hành cách mạng kỹ thuật triệt để được. Nhà nước — mà trước hết là các cơ quan chủ quản về nông nghiệp — phải trực tiếp đứng ra tổ chức lại sản xuất nông nghiệp miền núi trên phạm vi từng vùng lớn, từng tỉnh, từng huyện theo hướng phân vùng, chuyên môn hóa sản xuất đi đôi với hiệp tác hóa cao; tổ chức tốt việc giao lưu kinh tế và trao đổi sản phẩm hàng hóa giữa các vùng. Mặt khác Nhà nước cần mạnh dạn đầu tư vốn ban đầu, thi hành ngay những chính sách khuyến khích nông nghiệp miền núi và phải

nhANH chóng đào tạo cho miền núi một đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế và cán bộ kỹ thuật giỏi để đưa về trực tiếp hoạt động ở các hợp tác xã vùng miền núi và trung du.

Trước mắt, việc giải quyết vấn đề tự túc lương thực ở miền núi và trung du miền Bắc nước ta còn có một số khó khăn nhất định, nhưng triển vọng của nó rất sáng sủa.

Cần thấy rằng những khó khăn trước mắt chỉ là tạm thời trên bước đường trưởng thành của nông nghiệp cả nước. Công cuộc giải quyết vấn đề tự túc lương thực ở miền núi và trung du miền Bắc nước ta có rất nhiều thuận lợi cơ bản, cho phép chúng ta có thể xây dựng ở đây rất nhiều khu kinh tế mới trù mật bao gồm công, nông nghiệp hiện đại.

Chúng tôi tin rằng trong hoàn cảnh mới, với việc nước nhà hoàn toàn giải phóng, vị trí của vấn đề tự túc lương thực ở miền núi miền Bắc nước ta càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết và nhất định nó sẽ được giải quyết một cách thuận lợi.